TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số 10/2022/DS - ST.
Ngày: 16 - 02 - 2022.
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Rực;

Ông Lê Hồng Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Toại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2021/TLST- DS, ngày 08 tháng 7 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2021/QĐXXST - DS, ngày 31 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S; địa chỉ: Số X, Phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Quốc K – Giám đốc phụ trách phòng giao dịch Ngân hàng S huyện L; địa chỉ: Ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn "Quyết định ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng S V/v Ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án" (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Võ Văn H, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp Ngãi Hòa, thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện lập ngày 22/6/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Võ Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị T có lập sổ vay vốn của Ngân hàng S (gọi tắt là: Ngân hàng), ông H là người vay và bà T là người thừa kế.

Ngày 21/3/2012, ông H làm giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay để vay của Ngân hàng số tiền 30.000.000 đồng theo chương trình vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn. Mục đích vay: chăn nuôi heo. Thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng một lần. Lãi suất 0,9%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay. Đến ngày 22/3/2012 được Ngân hàng phê duyệt và giải ngân vào ngày 24/3/2012 với số tiền là 30.000.000đồng và xác định hạn trả nợ cuối cùng là ngày 24/3/2015, ông H đã nhận đủ số tiền trên. Sau đó Ngân hàng tiến hành cho ông H gia hạn thời hạn trả nợ 02 lần và xác định hạn trả nợ cuối cùng là ngày 24/3/2017. Tuy nhiên, từ ngày 24/3/2017 đến nay ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, do đó Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn và nhiều lần yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông không thực hiện.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Võ Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị T phải cùng có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng với tổng số tiền còn nợ đã quá hạn tính đến ngày 16/02/2022 là 55.409.593đồng, bao gồm 30.000.000đồng tiền nợ gốc và 25.409.593đồng tiền lãi và lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi ông H, bà T trả hết nợ gốc.

- *Đối với bị đơn* ông *Võ Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông H và bà T, nhưng ông, bà không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H và bà T hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông, bà vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H và bà T để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:* Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 103, 280, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Từ sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn ông Võ Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, nhưng ông H và bà T không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H và bà T hai lần để tham gia tố tụng

tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa bị đơn ông Võ Văn H và người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà T.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S buộc bị đơn ông Võ Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T cùng có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay gốc là 30.000.000đồng: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, Ngân hàng có cung cấp cho Tòa án Sổ vay vốn và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của ông Võ Văn H, kèm theo sổ lưu tờ rời theo dõi nợ vay – thu nợ - dư nợ vào ngày 24/3/2012, mã món vay: 6600006200150766 xác định ông H là người vay, bà T là người thừa kế, tại mục người vay trong sổ vay vốn có chữ ký tên Võ Văn H và mục người thừa kế có chữ ký tên Nguyễn Thị T và các giấy tờ khác có liên quan. Xét thấy việc ký kết giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay giữa ông Võ Văn H với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm ký kết, các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ thẩm quyền và năng lực giao kết hợp đồng. Hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật. Đối với bị đơn ông Võ Văn H và người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông H và bà T nhưng ông, bà không có ý kiến phản đối gì. xem như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên đủ cở sở để Hội đồng xét xử khẳng định ông H và bà T có thực hiện việc vay vốn của Ngân hàng S số tiền 30.000.000đồng và hiện chưa trả là có thật. Mặc dù ông H là người trực tiếp đứng tên người vay nhưng bà Nguyễn Thị T là là vợ ông H, là thành viên của hộ, việc vay vốn của Ngân hàng chính sách mục đích phát triển kinh tế cho hộ gia đình, vì lợi ích chung của hộ. Căn cứ quy định tại Điều 103 Bộ luật dân sự năm 2015 *"Nghĩa vụ dân sự phát sinh từ quan hệ dân sự của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân được đảm bảo thực hiện bằng tài sản chung của các thành viên"*. Vì vậy, ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị T phải cùng có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng S yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị T phải cùng có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 30.000.000đồng cho Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 103, 280, Điều 463, Điều 466; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về lãi suất: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn buộc ông H và bà T cùng có nghĩa vụ trả số tiền lãi còn nợ tính đến ngày 16/02/2022 là 25.409.593đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của ông Võ Văn H kèm theo sổ lưu tờ rời theo dõi nợ vay – thu nợ - dư nợ vào ngày 24/3/2012, mã món vay: 6600006200150766 xác định lãi suất thỏa thuận của các bên khi cho vay trong hạn là 0,9%/tháng và lãi suất quá hạn là 130% lãi suất khi vay. Lãi suất do các

bên thỏa thuận là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Mặc khác, theo bảng kê tính lãi ông Võ Văn H đến ngày 16/02/2022 của nguyên đơn cung cấp thì sau khi vay đến nay bị đơn không thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng, số tiền lãi còn nợ là 25.409.593đồng. Do vậy, việc ông H không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết, ông H là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Như vậy, ông H và bà T phải cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng tạm tính đến ngày 16/02/2022 là 25.409.593đồng và tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả xong nợ gốc là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Từ những phân tích trên, ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị T cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S dư nợ tính đến ngày 16/02/2022 với số tiền vay gốc là 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng), tiền lãi là 25.409.593đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm lẻ chín nghìn năm trăm chín mươi ba đồng), tổng cộng là 55.409.593đồng (Năm mươi lăm triệu bốn trăm lẻ chín nghìn năm trăm chín mươi ba đồng). Kể từ ngày 17/02/2022, ông H và bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán của khoản vay, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng.

[5]. Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị T phải cùng có nghĩa vụ chịu 2.770.480đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 103, 280, 463, 466, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, buộc ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị T cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S dư nợ tính đến ngày 16/02/2022 với số tiền vay gốc là 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng), tiền lãi là 25.409.593đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm lẻ chín nghìn năm trăm chín mươi ba đồng), tổng cộng là 55.409.593đồng (Năm mươi lăm triệu bốn trăm lẻ chín nghìn năm trăm chín mươi ba đồng). Kể từ ngày 17/02/2022, ông H và bà T còn

phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán của khoản vay, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc cho Ngân hàng S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị T phải cùng có nghĩa vụ chịu 2.770.480đồng (Hai triệu bảy trăm bảy chục nghìn bốn trăm tám chục đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền giao kết thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Bảo